

TỜ TRÌNH

**Về việc đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch
vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ khoản 1 Điều 27 và khoản 1, 2 Điều 111 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Điều 35 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội khóa XVI;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1050^a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quyết định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

Thực hiện Văn bản chỉ đạo số 2470/UBND-TH ngày 15/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 1050^a/QĐ-BTC của Bộ Tài chính,

Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể như sau:

I. TÊN GỌI NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, mức thu tiền nước và công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, tiền nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 35 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018), trong đó quy định “...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định” và Điều 3 Quyết định số 1050^a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định “ ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định hiện hành nhưng không được vượt quá mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quyết định”

Từ các vấn đề nêu trên, việc đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Xây dựng Nghị quyết để quy định các nội dung được phân cấp theo quy định tại Luật Thủy lợi và Quyết định số 1050^a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính;

- Làm căn cứ để quy định cụ thể mức thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và thực hiện mức thu giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng

- Phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội khóa XVI; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ và Quyết định số 1050^a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính;

- Phù hợp với pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan;

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

- Các đơn vị được giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (bao gồm: Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp);

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HĐND TỈNH VÀ HĐND TỈNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Thời gian Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết: Trước ngày 30/10/2018;
2. Thời gian UBND tỉnh trình HĐND tỉnh: Trước ngày 30/11/2018;
3. Thời gian HĐND tỉnh thông qua: Tháng 12/2018.


VII. CƠ QUAN CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP SOẠN THẢO

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Nông nghiệp và PTNT.
2. Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Nội dung kèm theo Tờ trình, gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của UBND tỉnh;
- (2) Báo cáo số 323/BC-SNN ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thuyết minh về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang).

Trên đây là Tờ trình đề xuất xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Như trên (Xem xét);
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tư pháp;
- Trang Thông tin điện tử SNN và PTNT;
- Lưu VT, CCTL; BQL Tuyên Quang.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Hàm